

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định 348/QĐ-TTg ngày 6/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 1381/QĐ-BTTTT ngày 07/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1762/QĐ-BTTTT ngày 21/9/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch hành động năm 2023 triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 20/01/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về định hướng phát triển ngành Thông tin và Truyền thông năm 2023 và giai đoạn 2024 – 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 75-KH/TU ngày 30/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý, chấn chỉnh hoạt động báo, tạp chí, trang thông tin điện tử, mạng xã hội trong giai đoạn hiện nay trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thông tin truyền thông tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-UBND, ngày 28/11/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Đề án tổ chức, hoạt động Thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2018 – 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh An Giang về việc Phê duyệt Khung Đề án “An Giang điện tử” giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2021 và giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Chương trình số 553/Ctr-UBND ngày 09/9/2021 Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh An Giang về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 890/KH-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 420/KH-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh An Giang về Thực hiện Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 1209/KH-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh An Giang về Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Văn bản số 791/UBND-TH ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh An Giang về hướng dẫn các Sở, ban, ngành cấp tỉnh xây dựng Kế hoạch phát triển ngành năm 2025;

Thực hiện Văn bản số 1960/SKHĐT-THQH ngày 29/7/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về cập nhật Kế hoạch phát triển năm 2025.

Sở Thông tin và Truyền thông An Giang cập nhật Kế hoạch phát triển ngành thông tin và truyền thông năm 2025, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2024

1. Ước tình hình thực hiện năm 2024

1.1. Số liệu ngành Thông tin và Truyền thông

Tỉnh An Giang không có Nhà xuất bản. Hoạt động xuất bản chủ yếu là xuất bản tài liệu không kinh doanh phục vụ tuyên truyền nhiệm vụ chính trị do Sở Thông tin và Truyền thông cấp phép. Có 08 cơ sở in có được cấp giấy phép hoạt động in. Có 3 cơ sở phát hành xuất bản phẩm. Có 03 cơ quan báo chí trong tỉnh là Đài PTTH An Giang, Báo An Giang, Tạp Chí Thất Sơn; 02 Văn phòng đại diện là Cơ quan thường trú TTXVN tại An Giang và Báo Nhân dân; 33 phóng viên các cơ quan chỉ trung ương, ngoài tỉnh thường trú, phụ trách.

Trên địa bàn tỉnh An Giang hiện có hơn 165 trang thông tin điện tử (TTĐT) tổng hợp do các cơ quan, tổ chức trên địa bàn thiết lập. Trong đó, có 01 cổng TTĐT Đảng bộ tỉnh An Giang, 01 cổng TTĐT tỉnh An Giang, 49 trang TTĐT là thành phần của cổng TTĐT tỉnh An Giang và 01 Báo điện tử (Báo An Giang). 156/156 Trang thông tin điện tử thuộc xã, phường, thị trấn.

Hệ thống bưu chính, chuyển phát của tỉnh đang trong quá trình phát triển và hoàn thiện. Đến nay, có 27 doanh nghiệp¹; Số điểm phục vụ bưu chính: 235 điểm².

¹ Trong đó, 18 doanh nghiệp Bưu chính có chi nhánh hoạt động trên địa bàn tỉnh, 09 doanh nghiệp Bưu chính có trụ sở tại tỉnh An Giang.

² Trong đó: Bưu cục: 77; Điểm bưu điện văn hóa xã: 129; Điểm phục vụ hình thức khác: 29.

Có 12 doanh nghiệp viễn thông đang hoạt động, kinh doanh, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm kiếm thông tin của người dân trong tỉnh. Phổ cập điện thoại thông minh (smartphone): thuê bao điện thoại di động: 2.430.409 thuê bao; thuê bao băng rộng cố định: 429.788 thuê bao; tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: 74,7%; tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định: 80,24%.

Tỷ lệ hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước được xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ là 39/39³, đạt 100% và 02 hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng của 02 doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh (VNPT, Viettel) triển khai hiện đang được các doanh nghiệp xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.2. Ước kết quả thực hiện năm 2024

1.2.1. Một số hoạt động nổi bật

Công tác thông tin, truyền thông đối với các nhiệm vụ chính trị, sự kiện quan trọng của tỉnh tiếp tục được thực hiện tốt, tạo sự lan tỏa sâu, rộng đến cộng đồng trong và ngoài tỉnh, góp phần tạo sự phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, điển hình như: tuyên truyền Lễ công bố Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Truyền thông Lễ thông xe cầu Châu Đốc; Truyền thông lễ hội Vía Bà Chúa xứ Núi Sam năm 2024; Lễ Khánh thành Dự án Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Long Xuyên.

UBND tỉnh tổ chức Hội nghị trực tuyến tổng kết Chuyển đổi số năm 2023 và sơ kết 02 năm thực hiện Đề án 06, triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2024; Hội nghị tổng kết hoạt động ngành Thông tin và Truyền thông năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024; Họp mặt báo chí mừng Xuân Giáp Thìn năm 2024; Xây dựng và triển khai tốt các nhiệm vụ của ngành trong hoạt động mừng Xuân Giáp Thìn năm 2024; Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2024 về tình hình, kết quả thực hiện Chuyển đổi số và Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh An Giang.

Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp, hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo cấp mới tài khoản dịch vụ công và tập huấn sử dụng phần mềm tuyển sinh và đăng ký DVCTT phục vụ Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025(tỷ lệ thí sinh đăng ký hồ sơ trên Cổng DVC trực tuyến đạt 92,5%), góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và các chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định 766/QĐ-TTg.

Sở TTTT phối hợp với Sở Công Thương tỉnh An Giang, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang và VNPT tỉnh tổ chức cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến chuyển đổi số chuyên đề “thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt năm 2024” góp phần thực hiện thành công Chiến lược tài chính toàn diện Quốc gia và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

³ Trong đó: Số hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 1 là 16 hệ thống; Số hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 2 là 20 hệ thống; Số hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ 3 là 03 hệ thống

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Văn bản chỉ đạo⁴ triển khai nhiệm vụ ngành Thông tin và Truyền thông năm 2024. Theo đó, triển khai trên toàn tỉnh nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch số 95/KH-STTTT ngày 30/12/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh ban hành Chương trình công tác năm 2024; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh An Giang về Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2024 tỉnh An Giang; đồng thời, tập trung đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền; tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang; củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc để người dân được thụ hưởng thành quả của công cuộc chuyển đổi số, để Tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch tổ chức các sự kiện cấp tỉnh để chào mừng kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2025).

Tổ chức Lễ Công bố Quyết định⁵ của Bộ Thông tin và Truyền thông về phát hành bộ tem bưu chính “Kỷ niệm 200 năm hoàn thành kênh Vĩnh Tế (1824-2024)” vào ngày 28/6/2024 tại Bưu điện tỉnh An Giang.

Ngày 28/5/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phát hành bộ tem “Kỷ niệm 200 năm hoàn thành kênh Vĩnh Tế (1824-2024)”. Ngày 28/6/2024, tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tổ chức Lễ Công bố Quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông về phát hành bộ tem bưu chính “Kỷ niệm 200 năm hoàn thành kênh Vĩnh Tế (1824-2024)”.

Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch tổ chức chỉnh trang mạng lưới cáp viễn thông đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang; Chủ trương nhấn tin truyền thông về dùng công nghệ di động 2G.

Sở Thông tin và Truyền thông là 01 trong 30 tập thể có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả trong tham gia tổ chức Hội thi tin học trẻ toàn quốc giai đoạn 2019 – 2024.⁶

1.2.2. Đánh giá công tác quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông theo nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024; (2) Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; (3) Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2024

Trong năm 2024, triển khai tốt công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: báo chí; thông tin đối ngoại; thông tin cơ sở; phát thanh – truyền hình; thông tin điện tử; xuất bản – in – phát hành. Tổ chức tốt việc quản lý thông tin trên môi trường mạng, trên báo chí; kịp thời phát hiện, phối hợp xử lý nhanh chóng các thông tin không chính xác gây hoang mang dư luận, lập lại trật tự. Tổ chức triển khai tốt hoạt động truyền thông cho các sự kiện quan trọng của tỉnh và đất nước. Tăng cường thông tin chính thống, thông tin tích cực trên địa bàn tỉnh (trong năm 2024, tỷ lệ thông tin tích cực về tỉnh đạt 50% (tăng 2% so với năm 2023)).

⁴ Số 368/UBND-KGVX ngày 27/3/2024 của UBND tỉnh An Giang

⁵ Quyết định 870/QĐ-BTTTT ngày 27/5/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông

⁶ Quyết định số 999 -QĐKT/TWĐTN-VP ngày 08 /8/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn

Tập trung triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số, Chương trình số 553/CTr-UBND, Nghị quyết số 01-NQ/TU về chuyển đổi số; đảm bảo công tác an toàn thông tin mạng trong chuyển đổi số; từng bước hoàn chỉnh tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh; duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư.

Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử tính đến nay ước đạt 75% (theo mục tiêu đề ra).

*(Ước kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu ngành năm 2024,
chi tiết xem Phụ lục 1)*

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc quản lý thông tin trên môi trường mạng ngày càng phức tạp, khó quản lý do tình trạng tội phạm lợi dụng công nghệ ngày càng nhiều.

Nguồn nhân lực chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng còn thấp; kinh phí hàng năm cho hoạt động công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng còn hạn chế.

Tỉnh An Giang chưa có Khu công nghệ thông tin tập trung nên chưa thu hút được nhiều nhân lực công nghệ thông tin và các nhà đầu tư. Việc đào tạo, thu hút nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trong thời gian qua cũng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2025

1. Dự báo bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế tác động đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực

Công cuộc Chuyển đổi số quốc gia do ngành Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng và triển khai thực hiện ngày càng được lan tỏa sâu rộng trên phạm vi toàn quốc. Các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tiếp tục khẳng định được vai trò tiên phong trong nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, làm chủ công nghệ, đóng góp quan trọng vào quá trình thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và đổi mới sáng tạo, xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế số, xã hội số thiết thực, hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm để góp phần hiện thực hóa khát vọng vì một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng.

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch 05 năm 2021-2025. Dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội mới mở ra. Các chính sách từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội lan tỏa các tác động tích cực, hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tham gia đầu tư và mở rộng sản xuất kinh doanh.

Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cùng với định hướng của Quy hoạch tổng thể Quốc gia, Quy hoạch vùng ĐBSCL, Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự báo sẽ mở ra nhiều cơ hội hợp tác, tầm nhìn mới cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và toàn vùng.

Cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh ngày càng cải thiện. Các tuyến đường liên kết liên vùng, liên huyện được đầu tư xây dựng, tuyến tránh thành phố Long Xuyên đã được đưa vào sử dụng, đặc biệt tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng đang được đầu tư xây dựng sẽ tạo điều kiện mạnh mẽ cho phát triển thương mại, dịch vụ, giao thương giữa An Giang với các tỉnh trong và ngoài vùng, thông qua đó thúc đẩy hoạt động bưu chính phát triển.

Bên cạnh đó, tỉnh An Giang hiện nay chưa có quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động; một số điểm phục vụ bưu chính ngưng hoạt động; doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã tham gia chuyển đổi số còn hạn chế; nguồn nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng chưa nhiều; kinh phí hàng năm cho hoạt động công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng chưa ổn định, các yếu tố này đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của ngành.

2. Mục tiêu chung của ngành, lĩnh vực trong năm 2025

Triển khai đầy đủ, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước, phát triển các lĩnh vực: báo chí; phát thanh, truyền hình; thông tin điện tử; thông tin đối ngoại; xuất bản, in, phát hành; bưu chính; viễn thông; ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số; an toàn thông tin mạng. Tăng cường truyền thông làm lan tỏa sâu, rộng về hình ảnh tích cực của tỉnh An Giang.

Tập trung triển khai thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình Chuyển đổi số 553/Ctr-UBND ngày 09/9/2021 tỉnh An Giang; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên 03 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn, an ninh, lành mạnh. Các nhiệm vụ, dự án, chương trình trọng tâm của Bộ, ngành, Trung ương có liên quan triển khai xuống địa phương. Tập trung triển khai các nhiệm vụ của ngành thông tin và truyền thông theo Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể triển khai Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông đã được phê duyệt, đảm bảo việc triển khai Quy hoạch được đồng bộ, hiệu quả.

Tiếp tục triển khai và đánh giá kết quả thực hiện 03 Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 của ngành thông tin và truyền thông trong năm 2025.

Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thanh, kiểm tra trong năm 2025. Phối hợp với các ngành, địa phương, tổ chức đoàn thể, hội, hiệp hội và doanh nghiệp tăng cường kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho nhà nước, người dân.

3. Các chỉ tiêu cụ thể

3.1. Chỉ tiêu lĩnh vực Thông tin, tuyên truyền

100% cán bộ làm công tác thông tin cơ sở cấp huyện và cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật hiện đại phù hợp với vị trí việc làm.

100% Đài Truyền thanh cấp xã chuyển đổi sang truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông (Truyền thanh thông minh).

Tỷ lệ hộ xem được Đài truyền hình VN: 100%.

Tỷ lệ hộ nghe được Đài tiếng nói VN: 100%.

Tỷ lệ hộ có phương tiện nghe, nhìn: 100%.

Tỷ lệ hệ thống truyền thanh cơ sở phủ sóng khu dân cư đạt 90%.

3.2. Duy trì tăng trưởng doanh thu các lĩnh vực Viễn thông, Bưu chính, Công nghệ thông tin, Báo chí, in, phát hành.

3.3. Chỉ tiêu lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và tần số vô tuyến điện

Tốc độ tăng trưởng trung bình của dịch vụ bưu chính phục vụ thương mại điện tử: Tối thiểu 30%.

Đầu tư phát triển hạ tầng bưu chính phấn đấu 10%, tập trung 03 lĩnh vực: Logistics, TMĐT, dịch vụ công.

Phấn đấu 100% xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ và có kết nối Internet.

Tỷ lệ hộ gia đình có đường internet cáp quang băng rộng đạt 80%.

Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 90%.

Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

3.4. Chỉ tiêu lĩnh vực Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số

3.4.1. Chính quyền số

100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình.

100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình.

60% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.

50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

80% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử và giữa cơ quan nhà nước và cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội hoàn toàn qua môi trường mạng.

100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc.

100% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

80% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân.

40% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

50% hồ sơ giải quyết trực tuyến.

60% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.

90% hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, 80% cấp huyện, 65% cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

Phấn đấu 10% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

100% thông tin quy hoạch được cập nhật, công bố, công khai cho người dân trên cổng thông tin, hệ thống công bố thông tin.

Tối thiểu từ 80% trở lên hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

100% hồ sơ thủ tục hành chính đã giải quyết thành công được số hóa, lưu trữ và có giá trị tái sử dụng.

100% cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước được tuyên truyền, cập nhật kiến thức an toàn – an ninh thông tin.

Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 100%.

Duy trì CQNN hoàn thiện Chính quyền điện tử tối thiểu đạt 90%.

100% hệ thống thông tin của CQNN được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt.

3.4.2. Kinh tế số

Phấn đấu kinh tế số đạt 10% GRDP.

Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 80%.

Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng các nền tảng số đạt 85%.

Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

Trên 60% người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

3.4.3. Xã hội số

100% hộ gia đình có địa chỉ số.

90% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.

3.5. Thực hiện tốt công tác thanh, kiểm tra định kỳ, đột xuất ngành thông tin và truyền thông, đảm bảo 100% theo Kế hoạch.

4. Định hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

4.1. Về Thông tin, tuyên truyền

Tham mưu công tác quản lý nhà nước: thực hiện đầy đủ, thường xuyên các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quản lý đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

- Lĩnh vực báo chí

+ Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Tiếp tục tham mưu thực hiện cơ chế đặt hàng cho các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh sản xuất các sản phẩm truyền thông để tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá hình ảnh của tỉnh và tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị thiết yếu phục vụ nhân dân.

+ Hỗ trợ các cơ quan báo nói, báo hình thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, điều hành tác nghiệp, sản xuất nội dung và phân phối nội dung lên môi trường số bên cạnh phát triển hạ tầng công nghệ kỹ thuật; hoạt động theo mô hình cơ quan truyền thông đa phương tiện.

+ Đẩy mạnh công tác truyền thông trên các cơ quan báo chí, truyền thông trong và ngoài tỉnh về những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung tuyên truyền, giới thiệu quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh ra bên ngoài. Đồng thời theo dõi, quản lý chặt chẽ nội dung thông tin trên các cơ quan báo chí, truyền thông để kịp thời xử lý tốt các loại thông tin sai sự thật.

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức làm công tác quản lý báo chí, phóng viên, nhà báo của các cơ quan báo chí trong tỉnh. Tổ chức phát động phong trào thi đua trong hoạt động báo chí trên địa bàn tỉnh.

+ Tham mưu giải pháp tăng cường hiệu quả công tác phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước.

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin của các sở, ngành, địa phương nhằm để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh; cung cấp thông tin thường xuyên, định kỳ cho các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh.

- Lĩnh vực tuyên truyền

+ Đổi mới, sáng tạo tuyên truyền về thành tựu đảm bảo quyền con người, nắm thế chủ động, phát huy quyền con người trong không gian số; khai phóng khát vọng Việt Nam, năng lượng Việt Nam từ nền kinh tế số để trở thành cường quốc kinh tế số, đặt nền móng trở thành nước phát triển vào năm 2045.

+ Bám sát sự chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để kịp thời định hướng nội dung, chỉ đạo tuyên truyền đối với các nhiệm vụ chính trị quan trọng của Trung ương và của tỉnh, làm cho chủ trương, cơ chế, chính sách được chuyển tải nhanh chóng, kịp thời, thông suốt đến tận người dân ở cơ sở.

+ Chủ trì làm đầu mối, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND huyện tham mưu UBND tỉnh xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm tổng hợp thông tin để phục vụ hoạt động cung cấp thông tin thường xuyên, định kỳ cho các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh.

+ Tham mưu triển khai công tác truyền thông chính sách tại địa phương; thông tin, tuyên truyền nâng cao hiệu quả và sự đồng thuận của người dân, chú trọng và tập trung công tác truyền thông, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước. Tuyên truyền và dẫn dắt, định hướng các mô hình hay, gương người tốt, việc tốt, cách làm mới và hiệu quả, góp phần truyền cảm hứng, tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp và thị trường; kịp thời phản bác, chấn chỉnh, đấu tranh với các luận điệu sai trái; triệt phá, gỡ bỏ các thông tin xấu độc, không đúng sự thật; từng bước tạo văn hóa số trên mạng.

- Lĩnh vực phát thanh – truyền hình, thông tin điện tử

+ Tăng cường tuyên truyền bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, cảnh nang phòng chống tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng, các quy định pháp luật về quản lý, chia sẻ thông tin trên mạng xã hội, các quy định về chế tài xử phạt vi phạm hành chính trên mạng xã hội ... nhằm xây dựng chuẩn mực đạo đức về hành vi, ứng xử trên mạng xã hội, giáo dục ý thức, tạo thói quen tích cực trong các hành vi ứng xử của người dùng trên mạng xã hội.

+ Tập trung tham mưu đẩy mạnh việc sử dụng mạng xã hội để làm kênh thông tin, tuyên truyền chính thống đối với cơ quan hành chính nhà nước. Tham mưu ban hành quy định, quy chế, hướng dẫn về quản lý hoạt động của các tài khoản mạng xã hội của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

+ Tăng cường sử dụng các công cụ, phần mềm công nghệ thông tin để quản lý, giám sát thông tin trên môi trường mạng internet, mạng xã hội; kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định đối với các hành vi cố tình lợi dụng mạng internet, mạng xã hội đưa thông tin sai lệch, phiến diện, thiếu kiểm chứng, thông tin giả, sai sự thật, xuyên tạc, thù địch.

+ Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, giám sát nhằm ngăn chặn kịp thời các thông tin trên MXH, nhất là các MXH xuyên biên giới nhằm loại bỏ các thông tin xấu độc, sai sự thật gây ảnh hưởng không tốt đối với xã hội.

+ Tăng cường công tác theo dõi, giám sát, xử lý thông tin vi phạm trên mạng và tình trạng “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội.

+ Phát triển các website, trang mạng xã hội, tài khoản trên môi trường mạng uy tín, nhiều tương tác để tuyên truyền, định hướng thông tin, dư luận và phản bác hiệu quả các thông tin tiêu cực về đất nước, con người Việt Nam.

- Lĩnh vực thông tin đối ngoại

+ Đẩy mạnh tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá hình ảnh của tỉnh An Giang; tuyên truyền quyền con người; chủ quyền biên giới, lãnh thổ, biển, đảo của Việt Nam...trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Triển khai có hiệu quả Chương trình phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh trong công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại ở khu vực biên giới; tập trung thông tin đối ngoại với nước bạn Campuchia.

+ Tập trung triển khai Đề án tuyên truyền về nhân quyền trên địa bàn tỉnh.

- Lĩnh vực xuất bản – in – phát hành

+ Rà soát, hướng dẫn và đề nghị các cơ sở in, phát hành xuất bản phẩm thực hiện các thủ tục theo quy định Luật Xuất bản và các quy định liên quan khi thay đổi địa chỉ, tên cơ sở kinh doanh.

+ Hướng dẫn, triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược thúc đẩy phát triển lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm giai đoạn 2021 – 2025 của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh.

- Lĩnh vực thông tin cơ sở

+ Tham mưu UBND tỉnh triển khai Chiến lược phát triển thông tin cơ sở của tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025.

+ Tập trung tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nhằm nâng cao nhận thức, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực thông tin, tuyên truyền đáp ứng tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

+ Tiếp tục thực hiện tốt việc truyền thông và vận hành các Cụm thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý.

+ Triển khai vận hành, kết nối hệ thống thông tin nguồn của tỉnh với hệ thống thông tin nguồn Trung ương.

4.2. Về Bưu chính

Đầu tư phát triển hạ tầng bưu chính, phấn đấu tăng trưởng trung bình của dịch vụ bưu chính phục vụ thương mại điện tử tối thiểu 30%; Tập trung 03 lĩnh vực: Logistics, TMĐT, dịch vụ công. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực hoạt động bưu chính. Phát triển mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số, áp dụng các công nghệ số để hiện đại hóa mạng lưới. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 tại địa phương để nâng cao chất lượng dịch vụ mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

Cải cách hành chính; Dịch vụ hành chính công qua mạng bưu chính công ích; Triển khai việc giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc tại Quyết định số 468/QĐ-TTg.

Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa.

Chuyển đổi số dịch vụ bưu chính, phát triển các dịch vụ bưu chính số, xây dựng hệ sinh thái các dịch vụ bưu chính tới tất cả các hộ gia đình và người dân.

Nâng cao năng lực quản lý, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ bưu chính của các doanh nghiệp bằng các công cụ, ứng dụng công nghệ số để hỗ trợ giám sát online, từ xa, thời gian thực.

4.3. Về Viễn thông, tần số vô tuyến điện

Tập trung triển khai các dịch vụ chuyển đổi số, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Tăng cường quản lý nhà nước thuê bao trả trước, an toàn, an ninh mạng; rà soát, xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động;... Các doanh nghiệp Viễn thông trong tỉnh là lực lượng nòng cốt trong triển khai CPĐT, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; An toàn và an ninh thông tin. Tiếp tục triển khai chương trình viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 – 2025⁷ theo lộ trình kế hoạch đề ra.

Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch tổ chức chỉnh trang mạng lưới cáp viễn thông, cáp truyền hình đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Triển khai công tác thông tin tuyên truyền về dùng công nghệ di động 2G trên địa bàn tỉnh An Giang theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông.⁸

Tham mưu UBND tỉnh Quyết định phê duyệt Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh đến năm 2025 và các giai đoạn tiếp theo đảm bảo phù hợp Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, Chiến lược Hạ tầng số quốc gia.

Thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng để phát triển cáp quang và nâng cao băng thông cáp quang đến hộ gia đình. Nâng cao chất lượng vùng phủ sóng 4G và triển khai 5G, dịch vụ Internet băng rộng cố định FTTH.

Phổ cập các dịch vụ viễn thông công ích một cách hiệu quả trên cơ sở tăng cường hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông tại các khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông và hỗ trợ cho các hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông công ích. Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 đáp ứng mục tiêu phổ cập truy cập dịch vụ băng rộng.

4.4. Về Công nghiệp công nghệ thông tin (ICT)

Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ các đơn vị liên quan để hoàn thành tạo quỹ đất Khu công nghệ thông tin tập trung (ICT) tỉnh An Giang.

Tiếp tục triển khai thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp tỉnh (theo văn bản số 335/CNICT-XT ngày 31/5/2024 của Cục Công nghiệp CNTT và Truyền thông).

4.5. Về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số

Tham mưu triển khai nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình Chuyển đổi số tỉnh An Giang.

Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin của bộ, ngành, phần mềm nội bộ tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định.

⁷ Kế hoạch số 1217/KH-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh An Giang

⁸ Công văn số 2709/BTTTT-CVT ngày 10/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông

Tiếp tục tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ ngành Thông tin và Truyền thông theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn tổ chức triển khai các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo các quyết định: Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022...

Đẩy mạnh hoạt động Mạng lưới chuyển đổi số tỉnh; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa.

Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, địa phương cải thiện chỉ số cải cách hành chính năm 2025 (lĩnh vực Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số) và nâng cao Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định 766/QĐ- TTg; Tổ chức tập huấn số hóa và khai thác, tái sử dụng số hóa kết quả giải quyết TTHC trước đó phục vụ giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Tiếp tục triển khai thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang và dự án Số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực.

Tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; nhiệm vụ triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Triển khai Kế hoạch số 1209/KH-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Triển khai các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số cụ thể: (1) Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh An Giang; (2) Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về Chuyển đổi số, Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2025; (3) Kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Triển khai các giải pháp phát huy mạng lưới Tổ công nghệ số cộng đồng của tỉnh hỗ trợ triển khai nhanh, có hiệu quả về chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đến cấp cơ sở, phường, xã, khóm, ấp.

Tiếp tục hiện thực hóa các mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và triển khai Luật Giao dịch điện tử sửa đổi.

Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp; khuyến khích phát triển các mô hình kinh doanh mới. Tham mưu thực hiện các hoạt động hỗ trợ xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, phát triển kinh tế số.

Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. Đảm bảo duy trì, vận hành ổn định mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, nhà nước kết nối đến các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh phục vụ Chính phủ số.

Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, đôn đốc, đẩy mạnh ứng dụng các phần mềm đã triển khai ở các cấp, đảm bảo 90% hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, 80% cấp huyện, 65% cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về quy trình nghiệp vụ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn tại Công văn số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ TTTT về việc hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0), Công văn số 708/BTTTT-CATTT ngày 02/3/2024 của Bộ TTTT về việc sửa đổi, thay thế nội dung về an toàn, an ninh mạng tại Công văn số 1552/BTTTT-THH và các quy định hiện hành.

Tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số; 90% cơ quan nhà nước các cấp hoàn thành thiện chính quyền điện tử.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ trung ương đến cơ sở. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số. Huy động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số cho tỉnh; ưu tiên đối với phát triển kinh tế số, xã hội số.

4.6. Về An toàn thông tin mạng

Nâng cao trách nhiệm tự bảo vệ hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ quản hệ thống thông tin với trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Triển khai tốt công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng, xây dựng và triển khai các phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước. Đội ứng cứu làm nòng cốt hỗ trợ, ứng cứu sự cố mất an toàn thông tin mạng; Tổ chức diễn tập, đào tạo cập nhật kiến thức An toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và các thành viên Đội ứng cứu.

Triển khai Dự án Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng hoạt động hiệu quả; Nâng chỉ số xếp hạng an toàn thông tin của tỉnh.

Phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản thông qua sử dụng các nền tảng Make in Viet Nam để bảo vệ người dân trên không gian mạng trước các nguy cơ, mối đe dọa về an toàn thông tin và lừa đảo trực tuyến. Tạo niềm tin số để người dân, doanh nghiệp và Chính phủ sẵn sàng lên môi trường mạng tạo thành công cho chuyển đổi số.

4.7. Công tác thanh tra

Triển khai nghiêm túc, có hiệu quả quy định của pháp luật và các chỉ thị, chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Trong đó, trọng tâm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực những lĩnh vực nhạy cảm dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực như: việc kê khai, công khai, xác minh tài sản, thu nhập; công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, viên chức, công chức.

Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thanh tra năm 2025. Phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương, tổ chức đoàn thể, hội, hiệp hội và doanh nghiệp tăng cường kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật gây bức xúc trong xã hội: về báo hóa, trang thông tin điện tử, MXH về đăng tải tin giả, tin xấu, độc trên mạng; tình trạng tin nhắn rác, cuộc gọi rác. Lựa chọn các cơ quan báo chí có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, bị nhiều tổ chức, cá nhân phản ánh để kiến nghị, đề xuất thanh tra, xử lý. Tiếp tục giám sát, kiểm tra loại hình xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử để đánh giá, xem xét sửa đổi chính sách phù hợp thực tiễn.

Tiếp tục phát huy, làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tham mưu chỉ đạo các cơ quan báo chí thông tin chính xác, khách quan, kịp thời, đầy đủ công tác tiếp công dân và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo. Kiên quyết không để xảy ra tình trạng đơn thư kéo dài hoặc xử lý gây bức xúc cho người khiếu nại, tố cáo; phấn đấu 100% công việc sẽ được triển khai thực hiện theo cách nghĩ mới, cách làm mới.

4.8. Về triển khai các Chương trình Mục tiêu quốc gia; Triển khai kế hoạch về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025

Duy trì 100% xã trong tỉnh đạt chuẩn Nông thôn mới về thông tin và truyền thông; Nâng chất xã Nông thôn mới đạt chuẩn nâng cao thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông và đề án An Giang điện tử. Đánh giá kết quả thực hiện thí điểm mô hình xã nông thôn mới thông minh và đề xuất bộ tiêu chí giai đoạn 2026 – 2030.

Tổ chức triển khai “Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh An Giang (Nội dung: Giảm nghèo về thông tin)”; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4.9. Về phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

4.9.1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền của hệ thống thông tin, truyền thông tỉnh

- Lồng ghép các chương trình thời sự các chuyên mục về các biện pháp, nâng cao nhận thức cộng đồng đối với công tác phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu, nhằm chủ động trong việc phòng chống và tìm kiếm cứu nạn hiệu quả.

- Tuyên truyền, biểu dương kịp thời các tập thể cá nhân, gương điển hình tiên tiến trong công tác phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Tăng cường thời lượng thông tin về tình hình khí tượng thủy văn, các hoạt động phòng chống thiên tai, các tấm gương anh hùng về tìm kiếm cứu nạn trên Báo giấy, Báo Điện tử; Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Tuyên truyền những kiến thức cơ bản về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai để nhân dân biết và chủ động phòng tránh. Nhất là những kiến thức phòng tránh bão, vì đặc trưng khu vực đồng bằng sông Cửu Long ít bão, dẫn đến sự chủ quan, lơ là, mất cảnh giác của người dân trong công tác phòng chống lụt bão.

- Đảm bảo các nội dung thông tin, các bài, chuyên mục phóng sự của đài phát thanh huyện, xã cập nhật đúng, đầy đủ tình hình diễn biến thiên tai, tránh gây những nhiều ảnh hưởng xấu tiêu cực đến tâm lý của nhân dân.

4.9.2. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu

- Kiểm tra, bảo dưỡng các trang thiết bị, thông tin liên lạc, phương tiện và các thiết bị dự phòng, sẵn sàng phục vụ đảm bảo thông tin liên lạc cho công tác chỉ đạo điều hành trong mọi tình huống. Đặc biệt quan tâm tới cột ăng ten phát thanh, phát hình, hệ thống truyền dẫn thu lời, tiếp địa... đảm bảo luôn hoạt động tốt. Phân công cán bộ làm việc và bảo vệ cơ quan đảm bảo xử lý tốt các tình huống ảnh hưởng do bão lũ, thiên tai.

- Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đảm bảo thông tin liên lạc trong điều kiện bình thường và trước khi có thiên tai, trong khi có thiên tai và sau khi có thiên tai, giai đoạn khắc phục hậu quả thiên tai phục vụ chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của UBND.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Kế hoạch này, yêu cầu các phòng và Trung tâm thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, phấn đấu đạt các chỉ tiêu ngành thông tin và truyền thông trong năm 2025; bố trí công việc gắn với trách nhiệm của từng công chức, viên chức đảm bảo tất cả công việc được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và địa phương triển khai các chương trình chuyển đổi số, dự án công nghệ thông tin đảm bảo đúng tiến độ.

2. Phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Phòng Công nghệ Thông tin - Bưu chính - Viễn thông: Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp và địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ 4.2, 4.3, 4.5 phần II.

- Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp và địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ 4.1, 4.8.

- Phòng Kế hoạch – Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp và địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ 4.4, 4.7.

- Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp và địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ 4.6.

- Văn phòng Sở (Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng của Sở) có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện Kế hoạch này, đưa các nhiệm vụ, nội dung công việc được giao cho các Phòng và Trung tâm trong Kế hoạch này vào tiêu chí xét thi đua cuối năm.

- Thanh tra Sở phối hợp các phòng, trung tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực trong năm 2025.

3. Xây dựng Kế hoạch công tác và chế độ báo cáo, cung cấp thông tin thực hiện theo Điều 8, Quy chế làm việc của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang tại Quyết định số 14/QĐ-STTTT ngày 02/02/2023.

Trên đây là Kế hoạch phát triển ngành thông tin và truyền thông năm 2025 của Sở Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

- Sở KHĐT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- STTTT: BGĐ; các phòng; TT CN-TTTT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Quốc Cường

PHỤ LỤC
Ước thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ ngành năm 2024
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 76/KH-STTTT ngày 15 tháng 8 năm 2024)

TT	Chỉ tiêu/Nhiệm vụ	Năm 2024		Đánh giá
		Đặt ra	Kết quả thực hiện	
I	Chỉ tiêu ngành được giao tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024; (2) Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; (3) Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2024			
	Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử	75%	Ước đến tháng 8/2024 đạt tỷ lệ 75%	Đạt
II	Nhiệm vụ được giao tại Chương trình Công tác của UBND tỉnh năm 2024 tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 17/01/2024			
	Quý I/2024			
1	Kế hoạch tổ chức các sự kiện cấp tỉnh để chào mừng kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 – 21/6/2025)	Kế hoạch	Đã trình thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc Tổ chức các hoạt động chào mừng Kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam (21/6/1925 – 21/6/2025)	Đạt
2	Chương trình triển khai Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Chương trình	Đang tổng hợp hoàn thiện theo ý kiến góp ý của các đơn vị	Chưa đạt
	Quý II/2024			

1	Kế hoạch phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang	Kế hoạch	Đã hoàn chỉnh dự thảo, chuẩn bị trình UBND tỉnh	Chưa đạt
2	Kế hoạch triển khai hoạt động thông tin đối ngoại năm 2024	Kế hoạch	UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 462/KH-UBND ngày 08/5/2024	Đạt
3	Kế hoạch truyền thông về quyền con người giai đoạn 2023 – 2028 (Theo Quyết định số 1079/QĐ-TTg phê duyệt Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023-2028)	Kế hoạch	UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 355/KH-UBND ngày 05/4/2024	Đạt
4	Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về truyền thông chính sách trên địa bàn tỉnh An Giang	Kế hoạch	Đang thực hiện xây dựng Kế hoạch, sẽ trình UBND tỉnh trong tháng 7/2024	Chưa đạt
5	Quyết định ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang phiên bản 3.0	Quyết định	Đã phê duyệt dự toán, đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà thầu	Chưa đạt
6	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng” (Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”)	Kế hoạch	Đang hoàn chỉnh trình UBND tỉnh	Chưa đạt
7	Kế hoạch triển khai Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh và Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang	Kế hoạch	Đang hoàn thiện dự thảo Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023	Chưa đạt
	Quý III/2024			

	Quyết định phê duyệt Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang	Quyết định	Đã trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 88/TTr-STTTT ngày 06/8/2024	Chưa đạt
	Quý IV/2024			
	Quyết định phê duyệt Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh đến năm 2025 và các giai đoạn tiếp theo đảm bảo phù hợp Quy hoạch tỉnh, Chiến lược hạ tầng số quốc gia	Quyết định	Đang thực hiện dự thảo Quyết định thành lập Tổ Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh đến năm 2025 và các giai đoạn tiếp theo.	Chưa đạt
III	Nhiệm vụ ngành 2024			
1	Kế hoạch đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách sản xuất chương trình truyền hình tỉnh An Giang năm 2024 (Chương trình truyền hình thời sự thiết yếu và chuyên đề, chuyên mục năm 2024)	Kế hoạch	UBND tỉnh đã phê duyệt tại Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND tỉnh An Giang; Sở đã ban hành Quyết định đặt hàng Đài năm 2024; Đang triển khai thủ tục ký hợp đồng với Đài	Đạt
2	Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang	Quyết định	UBND tỉnh đã ban hành (số 484/QĐ-UBND ngày 28/03/2024)	Đạt
3	Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông	Quyết định	UBND tỉnh đã ban hành (số 457/QĐ-UBND ngày 28/03/2024)	Đạt
4	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông và tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành	Quyết định	Đã tổng hợp ý kiến của các đơn vị, trong đó theo ý kiến của Sở Nội vụ Sở đã có công văn 530/STTTT-VP ngày 12/4/2024 gửi UBND tỉnh về việc đề xuất gia hạn thời gian xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh tháng 3/2024	Đã lùi thời gian thực hiện

	phổ trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND			
5	Tờ trình ban hành Nghị quyết ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông tỉnh An Giang			Dự kiến hoàn thành trong Quý III
6	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý, vận hành Cụm Thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang (Thay thế Quyết định số 51/2019/QĐ-UBND và Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 13/4/2021)	Quyết định	UBND tỉnh đã ban hành (Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 11/7/2022)	Đạt
7	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin của các sở, ngành, địa phương nhằm để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh; cung cấp thông tin thường xuyên, định kỳ cho các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh	Kế hoạch	Đang thực hiện xây dựng Kế hoạch	Chưa đạt
8	Quyết định ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh An Giang	Quyết định	BCĐ CDS tỉnh đã ban hành Quyết định số 60/QĐ-BCĐ ngày 05/6/2024	Đạt
9	Quyết định sửa đổi bổ sung một số Điều của Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Quyết định	Trình UBND tỉnh Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang (Tờ trình số 78/TTr-STTTT ngày 15/7/2024)	Chưa đạt
10	Quyết định ban hành Quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang (Quyết định thay thế Quyết định số	Quyết định	Đang tổng hợp ý kiến góp ý các cơ quan, địa phương	Chưa đạt

	67/2017/QĐ-UBND ngày 04/10/2017; Quyết định số 61/2018/QĐ-UBND ngày 27/12/2018)			
11	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công dữ liệu mở tỉnh An Giang	Quyết định	UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương gia hạn thời gian trình dự thảo sang tháng 10/2024 (Công văn số 2300/VPUBND-KGVX ngày 09/5/2024 của Văn phòng UBND tỉnh)	Dự kiến Quý IV/2024
12	Kế hoạch công bố phát hành tem kỷ niệm 200 năm hoàn thành Kênh Vĩnh Tế (1824 – 2024)	Kế hoạch	Đã tổ chức Lễ công bố vào ngày 28/6/2024	Đạt
13	Hướng dẫn của Chủ tịch UBND tỉnh về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 thay thế Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ (hoặc theo Nghị định điều chỉnh Nghị định số 73/2019/NĐ-CP)	Hướng dẫn	Đang xây dựng hướng dẫn	Dự kiến Quý IV/2024
14	Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 99 năm Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2024)	Kế hoạch	Đã hoàn thành ngày 21/6/2024	Đạt
15	Phối hợp thực hiện truyền thông về tỉnh An Giang trên phương tiện báo chí năm 2024	Kế hoạch	Đã dự thảo kế hoạch, lấy ý kiến các phòng, trung tâm thuộc sở để hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch	Chưa đạt
16	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số	Quyết định	Đã dự thảo kế hoạch, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổng hợp ý kiến góp ý	Dự kiến Quý IV/2024

	50/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh			
17	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2022 – 2025” trên địa bàn tỉnh An Giang	Kế hoạch	Đang trình	Chưa đạt
18	Thuê dịch vụ cung cấp, triển khai tập huấn, vận hành sử dụng Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh và Hệ thống camera quan sát tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang giai đoạn năm 2024-2029 (60 tháng)	Kế hoạch	Đang triển khai thủ tục đấu thầu thuê tư vấn lập E-HSMT, thẩm định E-HSMT; Đánh giá E-HSDT, Thẩm định Kết quả LCNT tư vấn lập Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT	Chưa đạt
19	Kế hoạch triển khai Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030	Kế hoạch	Đang thực hiện xây dựng kế hoạch	Dự kiến Quý IV/2024
20	Kế hoạch tổ chức triển khai các hoạt động “Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam” lần thứ ba năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang	Kế hoạch	Đã hoàn thành	Đạt
21	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh An Giang (LGSP)	Quyết định	Đang thực hiện hoàn thiện dự thảo Quy chế theo ý kiến góp ý của các cơ quan, địa phương	Dự kiến Quý IV/2024
22	Quyết định ban hành Khung kiến trúc tổng thể thành phố thông minh tỉnh An Giang (phù hợp khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh của Bộ Thông tin và Truyền thông (Quyết định 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019)	Quyết định	Đã có văn bản gửi Trung tâm Công nghệ số quốc gia hỗ trợ xây dựng Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh An Giang	Dự kiến Quý IV/2024

23	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại tỉnh An Giang	Quyết định	Đã dự thảo Quy chế	Dự kiến Quý IV/2024
24	Trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống ngành Thông tin và Truyền thông và 20 năm thành lập Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang	Tờ trình, Kế hoạch	UBND tỉnh đã có chủ trương tại văn bản số 3407/VPUBND-KGVX ngày 05/7/2024. Hiện Sở đang dự thảo Kế hoạch	Dự kiến hoàn thành trong Quý IV/2024
25	Kế hoạch Chuyển đổi số ngành in đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang	Kế hoạch	Đang xây dựng	Dự kiến Quý IV/2024
26	Dự án Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang	Dự án	Đang thực hiện thủ tục điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để trình UBND tỉnh	Dự kiến Quý IV/2024
27	Dự án số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực	Dự án	Đang khảo sát, hồ sơ giấy tờ, tài liệu thuộc phạm vi số hóa để tạo lập cơ sở dữ liệu điện tử và tái cấu trúc quy trình cung cấp dịch vụ hành chính công (giai đoạn 1)	Dự kiến Quý IV/2024
28	Thực hiện hoàn thành mô hình xã nông thôn mới thông minh Thoại Giang huyện Thoại Sơn	Mô hình	UBND huyện Thoại Sơn đã trình UBND tỉnh (Tờ trình 120/TTr-UBND ngày 29/7/2024)	Dự kiến hoàn thành trong Quý IV/2024
29	Triển khai Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh		Đang xây dựng Kế hoạch thuê	

PHỤ LỤC 2
Chỉ tiêu ngành Thông tin và Truyền thông năm 2025
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-STTTT ngày tháng năm 2024)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Doanh thu Viễn thông, Bưu chính, Công nghệ thông tin, Báo chí, in, phát hành	Duy trì	CNTT-BCVT; TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
II	Lĩnh vực Thông tin, truyền thông			
1	Tỷ lệ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở cấp huyện và cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật hiện đại phù hợp với vị trí việc làm	100%	TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
2	Tỷ lệ Đài Truyền thanh cấp xã chuyển đổi sang truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông	100%	TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
3	Tỷ lệ hộ xem được Đài truyền hình VN	100%	TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
4	Tỷ lệ hộ nghe được Đài tiếng nói VN	100%	TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
5	Tỷ lệ hộ có phương tiện nghe, nhìn	100%	TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
6	Tỷ lệ hệ thống truyền thanh cơ sở phủ sóng khu dân cư	90%	TTBCXB	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
III	Lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và tần số vô tuyến điện			
1	Tốc độ tăng trưởng trung bình của dịch vụ bưu chính phục vụ thương mại điện tử	>30%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
2	Đầu tư phát triển hạ tầng bưu chính, tập trung 3 lĩnh vực: Logistics, TMĐT, dịch vụ công	10%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
3	Tỷ lệ xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ và có kết nối Internet	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT

4	Tỷ lệ hộ gia đình có đường internet cáp quang băng rộng	80%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	90%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
6	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh		CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT, doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh
IV	Lĩnh vực Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số			
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
2	Tỷ lệ thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	60%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
3	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
4	Tỷ lệ chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	80%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
5	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử và giữa cơ quan nhà nước và cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội hoàn toàn qua môi trường mạng	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
6	Tỷ lệ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
7	Tỷ lệ cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
8	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân	80%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT

9	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến	50%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
10	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	60%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
11	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	90%, 80%, 65%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
12	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	40%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
13	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt	10%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
14	Tỷ lệ thông tin quy hoạch được cập nhật, công bố, công khai cho người dân trên cổng thông tin, hệ thống công bố thông tin	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
15	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	80%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
16	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính đã giải quyết thành công được số hóa, lưu trữ và có giá trị tái sử dụng	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
17	Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước được tuyên truyền, cập nhật kiến thức an toàn – an ninh thông tin	100%	Trung tâm CNTTTT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
18	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
19	Duy trì CQNN hoàn thiện Chính quyền điện tử	>90%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
20	Tỷ lệ hệ thống thông tin của CQNN được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
21	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt	100%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT

22	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	80%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
23	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	85%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
24	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	KHTC	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
25	Phân đầu kinh tế số đạt 10% GRDP	10%	KHTC	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
26	Tỷ lệ người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh	> 60%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
27	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số	100%	KHTC	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
28	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số	90%	CNTT-BCVT	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT
V	Tỷ lệ thực hiện thanh, kiểm tra định kỳ, đột xuất ngành thông tin và truyền thông so với Kế hoạch	100%	Thanh tra	Các phòng, Trung tâm CNTT-TT